

Số: 09 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 4 năm 2018

**BẢN XÁC NHẬN**

**Xác nhận khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản đá làm VLXD thông thường trong diện tích dự án Bồi thường, cải tạo mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư vào phía Đông Dung Quất**

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
<b>ĐẾN</b>	Số: ..... 3284 .....
	Ngày: ..... 19.14.18 .....
	Chuyên: .....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản và Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa tại Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích Dự án Bồi thường, cải tạo mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư vào phía Đông Dung Quất ngày 16/10/2017 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1394/4/2018,

**XÁC NHẬN:**

1. Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích Dự án Bồi thường, cải tạo mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư vào phía Đông Dung Quất; khu vực đăng ký khai thác có diện tích 5,4 ha được giới hạn bởi các điểm khếp góc M1, M2, M3, M4, M5, M6 có tọa độ nêu tại Phụ lục kèm theo.

2. Khối lượng đá đăng ký khai thác: 548.686 m<sup>3</sup>.

3. Công suất được phép khai thác: 140.000 m<sup>3</sup>/năm.

4. Mức sâu khai thác: Đền cao trình + 26 m (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108<sup>0</sup>; múi chiếu 3<sup>0</sup>).

5. Kế hoạch đăng ký khai thác: Kể từ ngày UBND tỉnh ký xác nhận đến hết tháng 6/2021.

6. Thiết bị khai thác, thu hồi khoáng sản:

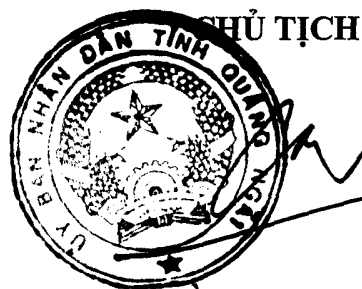
STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Nước sản xuất	Tình trạng
1	Máy xúc Komatsu 1,6 m <sup>3</sup>	02	Chiếc	Nhật	70%-80%
2	Máy ủi	01	Máy	Nhật	70%-80%
3	Xe tải ben Huyndai (20 tấn)	04	Xe	Nga	70%-80%
4	Máy nén khí	03	Máy	Nhật	70%-80%
5	Máy khoan BMK - 5 + dây hơi	04	Dàn	Nga	70%-80%
6	Khoan cầm tay PP -25 φ38	03	Máy	Nhật	70% - 80%
7	Xe tưới nước vệ sinh môi trường	01	Xe	Việt Nam	70% - 80%
8	Máy bơm nước	01	Máy	Việt Nam	70% - 80%

7. Thời gian đăng ký khai thác: Từ tháng 4/2018 đến hết tháng 6/2021.

Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa có trách nhiệm thực hiện đúng khu vực đăng ký, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác và thực hiện các nghĩa vụ tài chính: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; thực hiện kê khai nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi;
- UBND huyện Bình Sơn;
- UBND các xã: Bình Đông và Bình Thuận;
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa;
- VPUB: CVP, PCVP (NL), NNTN, CB-TH;
- Lưu: VT, CN (Inphong164)



**Trần Ngọc Căng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục



HỆ TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ KHAI THÁC

(Kèm theo Bản đồ nhận số 04 /XN-UBND, ngày 18 tháng 4 năm 2018 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

STT	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trục $108^0$ ; múi chiếu $3^0$ )	
		X (m)	Y (m)
M1	M1	1.699.328,47	585.742,99
M2	M2	1.699.342,03	585.750,02
M3	M3	1.699.401,66	586.012,79
M4	M4	1.699.204,52	586.057,53
M5	M5	1.699.154,30	585.836,26
M6	M6	1.699.168,36	585.809,13